KHOA KẾ TOÁN VÀ QUẢN TRỊ KINH DOANH

B1. NGÀNH KẾ TOÁN (ĐỊNH HƯỚNG NGHIÊN CỨU)  
Mã số: 8 34 03 01

1. MỤC TIÊU ĐÀO TẠO VÀ CHUẨN ĐẦU RA

1.1. Mục tiêu đào tạo

1.1.1. Mục tiêu chung

Đào tạo Thạc sỹ Kế toán (định hướng nghiên cứu) có kiến thức chuyên môn sâu về kế toán, kiểm toán; có kỹ năng vận dụng kiến thức chuyên môn để xử lý tình huống thực tiễn và thực hiện nghiên cứu; có đạo đức nghề nghiệp; có khả năng làm việc theo nhóm với tư duy độc lập, sáng tạo và năng lực tự chủ, tự chịu trách nhiệm; Học viên tốt nghiệp có thể làm việc trong các doanh nghiệp, các cơ quan quản lý của Nhà nước, cơ quan nghiên cứu và các tổ chức có liên quan khác*.*

1.1.2. Mục tiêu cụ thể

Có kiến thức chuyên môn sâu về kế toán và kiểm toán theo xu hướng hội nhập quốc tế;

Có khả năng phân tích và xử lý các vấn đề thực tế và thời sự về kế toán và kiểm toán;

Có phẩm chất đạo đức nghề nghiệp và tuân thủ pháp luật, khả năng giao tiếp và năng lực lãnh đạo;

Trở thành chuyên gia trong lĩnh vực kế toán, kiểm toán; kế toán trưởng; quản lý tài chính; nghiên cứu viên và giảng viên ở các doanh nghiệp, viện nghiên cứu, trường đại học và các tổ chức khác trong và ngoài nước.

1.2. Chuẩn đầu ra

1.2.1. Kiến thức

*Kiến thức chung:*

Phân tích và đánh giá được tri thức triết học cho hoạt động nghiên cứu thuộc lĩnh vực khoa học xã hội và nhân văn, nâng cao nhận thức cơ sở lý luận triết học của đường lối cách mạng Việt Nam, đặc biệt là đường lối cách mạng Việt Nam trong thời kỳ đổi mới. Ứng dụng được các tri thức của triết học vào thực tiễn đời sống.

*Kiến thức chuyên môn:*

Tổng hợp được kiến thức chuyên sâu về kế toán, kiểm toán và kiểm soát; Vận dụng kiến thức nâng cao về kế toán, kiểm toán, kiểm soát vào thực tiễn; Vận dụng kiến thức nâng cao về quản trị doanh nghiệp và quản lý môi trường.

1.2.2. Kỹ năng

*Kỹ năng chuyên môn:*

- Tổ chức, thực hiện chế độ kế toán doanh nghiệp và các tổ chức khác;

- Phân tích thông tin kế toán và tham mưu về lĩnh kế toán, kiểm toán, tài chính cho nhà quản lý;

- Thực hiện linh hoạt kỹ năng làm việc nhóm, thuyết trình vấn đề;

- Ứng dụng thành thạo công nghệ thông tin để thu thập, xử lý thông tin kế toán.

*Kỹ năng ngoại ngữ:*

- Trình độ tiếng Anh tối thiểu đạt B1 theo khung tham chiếu chung châu Âu;

- Có khả năng đọc, hiểu được nội dung cơ bản của các chủ đề liên quan đến kế toán.

1.2.3. Năng lực tự chủ và trách nhiệm

Có năng lực tự chủ trong công việc được giao; có thái độ hợp tác tốt với đồng nghiệp;

Tuân thủ các quy tắc và đạo đức nghề nghiệp;

Trau dồi phẩm chất đạo đức nghề nghiệp và tác phong làm việc chuyên nghiệp, thích nghi với các môi trường làm việc khác nhau;

Có ý thức tự bồi dưỡng nâng cao kiến thức chuyên ngành và liên ngành suốt đời.

2. ĐỐI TƯỢNG ĐÀO TẠO VÀ NGUỒN TUYỂN SINH

2.1. Đối tượng đào tạo

Tốt nghiệp từ các cơ sở đào tạo đại học thuộc các chương trình kế toán và các cử nhân thuộc khối ngành gần và ngành khác liên quan có nhu cầu phát triển nhân lực.

2.2. Nguồn tuyển sinh

2.2.1. Ngành đúng và phù hợp

Cử nhân tốt nghiệp các ngành hoặc Ngành thuộc nhóm ngành kế toán, kiểm toán: Kế toán, Kế toán - kiểm toán, Kế toán doanh nghiệp, Kiểm toán; Kế toán tổng hợp, Kế toán công, Kế toán ngân hàng, Tài chính - ngân hàng, Ngân hàng, Tài chính - tín dụng…

2.2.2. Ngành gần

*Nhóm I:* Các cử nhân tốt nghiệp các ngành nhóm tài chính - ngân hàng - bảo hiểm, kinh doanh- quản lý và kinh tế.

*Nhóm ngành Tài chính - Ngân hàng - Bảo hiểm:* Tài chính, Tài chính - Ngân hàng, Ngân hàng, Tài chính - Tín dụng, Tài chính doanh nghiệp, Tài chính công, Tài chính quốc tế, Tài chính nhà nước, Thị trường chứng khoán, Bảo hiểm...

*Nhóm ngành kinh tế:* Kinh tế học, Kinh tế xây dựng, Kinh tế thương nghiệp, Thống kê, Kinh tế bất động sản và địa chính, Kinh tế kế hoạch và đầu tư, Kinh tế lao động và quản lý nguồn lực, Kinh tế, Kinh tế phát triển, Kinh tế quốc tế, Kinh tế đầu tư, Kinh tế đầu tư tài chính, Kinh tế luật, Kinh tế nông nghiệp, Kinh tế nông lâm ngư, Kinh tế các ngành sản xuất và dịch vụ, Kinh tế thủy sản, Kinh tế xây dựng, Kinh tế giao thông, Kinh tế bưu chính viễn thông, Kinh tế vận tải, Kinh tế bảo hiểm, Kinh tế chính trị, Phát triển nông thôn, Kinh tế tài nguyên thiên nhiên, Luật kinh tế, Kinh tế đối ngoại, Kinh tế thẩm định giá, Kinh tế gia đình,...

*Nhóm ngành kinh doanh - quản lý:* Quản trị kinh doanh, Marketing, Thương mại quốc tế, Kinh doanh quốc tế, Kinh doanh thương mại, Kinh doanh thương mại và dịch vụ, Kinh doanh dịch vụ, Quản trị kinh doanh quốc tế, Quản trị kinh doanh thương mại, Quản trị doanh nghiệp, Quản trị kinh doanh tổng hợp, Quản trị chất lượng, Quản trị marketing, Quản trị bán hàng, Truyền thông marketing, Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành, Quản trị khách sạn, Quản trị nhà hàng và dịch vụ ăn uống, Kinh doanh bất động sản, Quản trị nhân lực, Hệ thống thông tin quản lý, Quản trị văn phòng, Quản lý kinh tế, Quản lý kinh doanh, Quản lý thị trường, Quản lý lao động, Quản lý nguồn nhân lực, Quản lý công nghiệp, Kinh doanh nông nghiệp, Quản lý nguồn lợi thủy sản, Quản lý bệnh viện, Quản lý tài nguyên và môi trường, Quản lý du lịch, Kinh doanh du lịch, Thương mại, Quản lý kinh tế các ngành sản xuất và dịch vụ, Quản lý công nghiệp, Khoa học quản lý, Quản lý đô thị, Hệ thống thông tin kinh tế và quản lý, Kinh doanh xuất bản phẩm, Quản lý tài nguyên rừng, Quản lý văn hóa, Quản lý nhà nước, Quản lý giáo dục, Quản lý khoa học công nghệ, Quản lý xây dựng, Quản lý đất đai, Quản lý tài nguyên thiên nhiên, Quản lý môi trường và du lịch sinh thái, Khoa học quản lý, Quản lý nhà nước về an ninh trật tự.

*Nhóm II: Cử nhân tốt nghiệp các Ngành thuộc nhóm ngành:* Hành chính học, Luật, Luật quốc tế, Khuyến nông, Công nghệ thực phẩm, Công nghệ sau thu hoạch, Công nghệ chế biến thủy sản, Công nghệ chế biến nông sản, Bảo quản chế biến nông sản, Chăn nuôi, Nông học, Khoa học cây trồng, Bảo vệ thực vật, Công nghệ rau quả và cảnh quan, Lâm nghiệp, Lâm nghiệp đô thị, Lâm sinh, Thủy sản, Nuôi trồng thủy sản, Thú y, Dịch vụ xã hội, Công tác xã hội, Bất động sản.

**Các học phần bổ túc kiến thức:**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Tên học phần** | **Số tín chỉ** | **Nhóm 1** | **Nhóm 2** |
| 1 | Nguyên lý kế toán | 3 | x | x |
| 2 | Kế toán quản trị | 3 | x | x |
| 3 | Quản trị học | 3 | x | x |
| 4 | Nguyên lý kiểm toán | 3 |  | x |
| 5 | Tài chính tiền tệ | 3 |  | x |

2.3. Các môn thi tuyển sinh và điều kiện tốt nghiệp

2.3.1. Các môn thi tuyển sinh

Nguyên lý kế toán, Kế toán quản trị, tiếng Anh.

2.3.2. Điều kiện tốt nghiệp

Theo Quy chế đào tạo thạc sĩ của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Quy định hiện hành đào tạo trình độ thạc sĩ của Học viện Nông nghiệp Việt Nam.

3. CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

3.1. Khối lượng kiến thức tối thiểu và thời gian đào tạo theo thiết kế

Tổng số 60 tín chỉ. Thời gian đào tạo: 1,5 - 2 năm.

3.2. Cấu trúc chương trình đào tạo

| **TT** | **Mã HP** | **Tên học phần** | **Số TC** |
| --- | --- | --- | --- |
| **I** | **Học phần bắt buộc** | | **30** |
| 1 | ML06002 | Triết học | 4 |
| 2 | SN06003 | Tiếng Anh | 2 |
| 3 | KQ06004 | Nguyên lý quản trị | 2 |
| 4 | KQ06023 | Lý thuyết tài chính - Tiền tệ nâng cao | 2 |
| 5 | KQ06007 | Quản trị tài chính nâng cao | 2 |
| 6 | KQ06011 | Kế toán cho công tác quản lý | 2 |
| 7 | KQ07014 | Hệ thống kiểm soát nội bộ nâng cao | 2 |
| 8 | KQ07013 | Kế toán chi phí nâng cao | 2 |
| 9 | KQ07020 | Phân tích tài chính | 2 |
| 10 | KQ06024 | Phương pháp nghiên cứu trong kế toán | 2 |
| 11 | KQ06025 | Nguyên lý kế toán nâng cao | 2 |
| 12 | KQ06027 | Kế toán tài chính nâng cao | 2 |
| 13 | KQ06028 | Báo cáo tài chính hợp nhất | 2 |
| 14 | KQ07067 | Kỹ năng lãnh đạo tổ chức | 2 |
| **II** | **Học phần tự chọn (tối thiểu 18 tín chỉ)** | | **18** |
| **Tự chọn** | | | |
| 15 | KQ07023 | Kiểm toán nâng cao | 2 |
| 16 | KQ07083 | Phân tích báo cáo kế toán quản trị | 2 |
| 17 | KQ07084 | Đầu tư tài chính | 2 |
| 18 | KQ07030 | Tài chính công nâng cao | 2 |
| 19 | KQ06010 | Quản trị chuỗi cung ứng | 2 |
| 20 | KQ06022 | Thông tin kế toán tài chính | 2 |
| 21 | KQ07077 | Kế toán công | 2 |
| 22 | KQ06006 | Thị trường giá cả nâng cao | 2 |
| 23 | KQ07012 | Kinh doanh quốc tế nâng cao | 2 |
| 24 | KQ07086 | Kiểm toán nội bộ nâng cao | 2 |
| 25 | KQ07087 | Phân tích kinh doanh nâng cao | 2 |
| 26 | KQ07088 | Phân tích và quản trị rủi ro tài chính | 2 |
| 27 | KQ07089 | Thuế nâng cao | 2 |
| 28 | KQ07017 | Quản trị rủi ro nâng cao | 2 |
| 29 | KQ07033 | Phát triển kỹ năng xây dựng kế hoạch kinh doanh | 2 |
| 30 | KQ06026 | Phương pháp kế toán cho quyết định kinh doanh | 2 |
| 31 | KQ07022 | Kế toán quốc tế nâng cao | 2 |
| 32 | KQ07035 | Kế toán thuế nâng cao | 2 |
| 33 | KT07096 | Quản lý thông tin kinh tế | 2 |
| 34 | KT07061 | Phương pháp nghiên cứu định tính | 2 |
| 35 | KT07074 | Quản lý tài nguyên và môi trường nâng cao | 3 |
| **Tự chọn khác** | | | |
| 36 | KQ07067 | Kỹ năng lãnh đạo tổ chức | 2 |
| 39 | MT06020 | Biến đổi khí hậu và môi trường | 3 |
| 40 | MT07050 | Quản lý môi trường tổng hợp | 2 |
| 41 | TH07005 | Hệ thống thông tin quản lý | 3 |
| 42 | CP07046 | Hệ thống QLCL NSTP | 2 |
| 43 | KQ06020 | Kỹ năng phân tích kinh doanh | 2 |
| 45 | QL07033 | Quy hoạch sản xuất nông nghiệp | 2 |
| 47 | TS07041 | Hệ thống nuôi trồng thủy sản | 2 |
| 48 | TY07027 | Vệ sinh an toàn thực phẩm nguồn gốc động vật | 2 |
| **III** | **Luận văn tốt nghiệp** | | **12** |
| 49 | KQ07995 | Luận văn thạc sĩ | 12 |
|  |  | **Tổng** | **60** |